

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2021/DS-PT

Ngày: 09 - 11 -2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cửa

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1953;

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Anh Trịnh Nam S, sinh năm: 1999; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/12/2020), (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/10/2021)

2. Chị Bạch Diệu A, sinh năm: 1995; là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 22/12/2020*). (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: đường N, Phường 11, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Trần Thị U, sinh năm: 1965; (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 1 G, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Trần Văn T, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Ấp 1 G, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Trần Thị U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào tháng 3 năm 2018 bà có cho bà Trần Thị U vay số tiền 271.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn vay là đến hết tháng 4 năm 2020. Việc cho vay không lập văn bản chỉ thỏa thuận miệng. Sau khi nhận số tiền vay, bà U không trả tiền vốn gốc theo thỏa thuận nên hai bên đã làm giấy nợ đề ngày 28/5/2020, thời hạn trả tiền vay là 04 tháng trả dứt nợ. Bà U có ký tên vào giấy nợ, thừa nhận còn nợ số tiền vay chưa trả là 271.000.000 đồng, số tiền vay này đến nay bà U không có trả vốn gốc và lãi suất.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Trần Thị U và ông Trần Văn T phải liên đới trả cho bà số tiền vay là 271.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/9/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng, yêu cầu trả 01 lần.

Tại bản tự khai và văn bản ghi ý kiến đề ngày 05/4/2021, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị U, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày:

Bà thừa nhận vào năm 2017 bà có vay của bà Nguyễn Thị Đ số tiền 205.000.000 đồng, không phải vay số tiền 271.000.000 đồng như bà Đ khởi kiện. Số tiền 205.000.000 đồng bà vay làm nhiều lần, hai bên không có làm giấy tờ, biên nhận, chỉ thỏa thuận miệng. Vay không kỳ hạn khi nào có tiền thì trả vốn gốc, lãi suất vay là 1.000.000 đồng, hàng tháng đóng tiền lãi là 50.000 đồng.

Bà là người hỏi vay và nhận tiền vay. Bà vay tiền bà Đ mục đích là để về đào ao nuôi tôm. Việc vay tiền bà có nói với chồng bà nhưng không có nói vay của ai. Sau khi vay bà đóng tiền lãi đầy đủ cho bà Đ, không có làm giấy tờ, biên

nhận. Từ tháng 05 năm 2020 đến nay do làm ăn thất bại, bà không có đóng tiền lãi cho bà Đ, vốn vay chưa trả. Giấy nợ đề ngày 28/5/2020 là do cháu bà Đ viết hộ, bà có ký tên vào nhưng việc ký tên là do phía bà Đ gây áp lực, hăm dọa chém chồng bà nên bà phải ký vào giấy nợ. Bà thừa nhận chỉ có nợ bà Đ số tiền vay chưa trả là 205.000.000 đồng, số tiền nợ này bà và chồng bà đồng ý cùng trả cho bà Đ nhưng khi nào vợ chồng bà bán được đất sẽ trả làm 01 lần dứt nợ, xin không trả lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà không đồng ý trả số tiền nợ vay 271.000.000 đồng như bà Đ khởi kiện vì bà không có nợ số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 288, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.
2. Buộc bà Trần Thị U và ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ vay 288.169.700 đồng (Gồm nợ gốc 271.000.000 đồng, tiền lãi suất 17.169.700 đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/5/2021, bị đơn bà Trần Thị U kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Bà đã đóng cho bà Đ 369.000.000 đồng tiền lãi cho bà Đ nên xin được khấu trừ quá nợ vốn gốc 205.000.000 đồng, xin được giảm án phí và số tiền lãi suất 17.169.700 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị U và ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ vay 288.169.700 đồng (Gồm nợ gốc 271.000.000 đồng, tiền lãi suất 17.169.700 đồng) là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị U, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị U;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T phải liên đới trả cho bà số tiền vay là 271.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/9/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Đ là giấy nợ đề ngày 28/5/2020 thể hiện bà Đ đã đưa cho bà Trần Thị U vay số tiền là 271.000.000 đồng, vay có kỳ hạn 04 tháng trả dứt nợ, không thể hiện có lãi suất, bà U có ký tên và viết đầy đủ họ tên vào giấy nợ. Bà U thừa nhận chữ ký trong giấy nợ này của bà nhưng do bà Đ gây áp lực buộc bà ký vào giấy nợ. Tuy nhiên, bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bà U cho rằng chỉ vay của bà Đ số tiền 205.000.000 đồng và bà đã đóng lãi cho bà Đ số tiền 369.000.000 đồng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và bà Đ cũng không thừa nhận. Vì vậy có căn cứ xác định, bà U có vay của bà Đ số tiền 271.000.000 đồng. Bà U không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho bà Đ số tiền trên. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà U trả số tiền 271.000.000 đồng đã vay là phù hợp.

[2] Theo giấy nợ đề ngày 28/5/2020, bà Đ và bà U thỏa thuận trả nợ 02 lần, trong thời gian 4 tháng trả dứt nợ, nhưng bà U không trả nợ theo đúng thời hạn đã thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả 0.83%/tháng từ ngày 29/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 17.169.700 đồng là phù hợp. Bà U xin không trả lãi suất nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Số tiền nợ vay được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà U và ông Tùng. Bà U cho rằng vay tiền của bà Đ mục đích là để nuôi tôm nhằm phát

triển kinh tế gia đình, ông Tùng chồng bà U có biết. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm buộc bà U và ông Tùng phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ vay nêu trên cho nguyên đơn là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị U, giữ nguyên Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 44/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị U phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị U.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào Điều 288, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Trần Thị U và ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ vay 288.169.700 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu một trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm đồng), bao gồm nợ gốc 271.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi một triệu) và tiền lãi 17.169.700 đồng (mười bảy triệu một trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ú và ông Trần Văn T phải liên đới chịu 14.408.500 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Ú phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006432 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng